**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**

**Đề thi Học kì 1 - Cánh diều**

**Năm học 2024 - 2025**

**Môn: Địa Lí 10**

*Thời gian làm bài: phút*

*(không kể thời gian phát đề)*

**(Đề số 1)**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Frông là mặt ngăn cách giữa hai

A. khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.

B. khu vực cao áp khác biệt nhau về trị số áp.

C. dòng biển nóng và lạnh ngược hướng nhau.

D. tầng khí quyển khác biệt nhau về tính chất.

**Câu 2.** Frông địa cực (FA) là mặt ngăn cách giữa hai khối khí

A. xích đạo và chí tuyến.

B. chí tuyến và ôn đới.

C. ôn đới và cực.

D. cực và xích đạo.

**Câu 3.** Khí áp là sức nén của

A. không khí xuống mặt Trái Đất.

B. luồng gió xuống mặt Trái Đất.

C. không khí xuống mặt nước biển.

D. luồng gió xuống mặt nước biển.

**Câu 4.** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. chí tuyến về ôn đới.

B. cực về ôn đới.

C. chí tuyến về xích đạo.

D. cực về xích đạo.

**Câu 5.** Nước trên lục địa gồm nước ở

A. trên mặt, nước ngầm.

B. trên mặt, hơi nước.

C. nước ngầm, hơi nước.

D. băng tuyết, sông, hồ.

**Câu 6.** Dòng chảy thường xuyên, tương đối lớn trên bề mặt lục địa gọi là

A. mưa.

B. đầm.

C. sông.

D. hồ.

**Câu 7.** Hình thức dao động của sóng biển là theo chiều

A. thẳng đứng.

B. xoay tròn.

C. chiều ngang.

D. xô vào bờ.

**Câu 8.** Dao động thuỷ triều trong tháng lớn nhất vào ngày

A. trăng tròn và không trăng.

B. trăng khuyết và không trăng.

C. trăng khuyết và trăng tròn.

D. không trăng và có trăng.

**Câu 9.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

A. sinh vật.

B. động vật.

C. thực vật.

D. vi sinh vật.

**Câu 10.** Thứ tự từ bề mặt đất xuống sâu là

A. lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng, đá gốc.

B. lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá, đá gốc.

C. đá gốc, lớp vỏ phong hoá, lớp phủ thổ nhưỡng.

D. đá gốc, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hoá.

**Câu 11.** Lớp vỏ địa lí là lớp vỏ

A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.

B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.

D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

**Câu 12.** Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại Dương là

A. độ sâu khoảng 9000m.

B. phía trên tầng đá badan.

C. độ sâu khoảng 5000m.

D. đáy vực thẳm đại Dương.

**Câu 13.** Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. kinh độ.

D. các mùa.

**Câu 14.** Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. đông tây.

D. các mùa.

**Câu 15.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với khí quyển?

A. Là lớp không khí bao quanh Trái Đất.

B. Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.

C. Rất quan trọng cho phát triển sinh vật.

D. Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôdôn.

**Câu 16.** Các vành đai nào sau đây là áp cao?

A. Xích đạo, chí tuyến.

B. Chí tuyến, ôn đới.

C. Ôn đới, cực.

D. Cực, chí tuyến.

**Câu 17.** Nhận định nào sau đây đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

A. Mưa không nhiều ở vùng xích đạo.

B. Mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

C. Mưa không nhiều ở hai vùng ôn đới.

D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

**Câu 18.** Tổng lượng nước của sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

A. Lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm.

B. Lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.

C. Nước ngầm, địa hình, các hồ đầm.

D. Nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.

**Câu 19.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thuỷ triều?

A. Dao động thường xuyên.

B. Dao động theo chu kì.

C. Chỉ do sức hút Mặt Trời.

D. Khác nhau ở các biển.

**Câu 20.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với sinh quyển?

A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.

B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.

C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

**Câu 21.** Đặc điểm nào sau đây **không**phải của lớp vỏ địa lí?

A. Gồm 5 lớp vỏ bộ phận xâm nhập, tác động lẫn nhau.

B. Chiều dày 30-35km trừng với giới hạn của sinh quyển.

C. Chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên và xã hội.

D. Thành phần vật chất tồn tại ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

**Câu 22.** Các quy luật nào sau đây chủ yếu do nội lực tạo nên?

A. Địa đới, địa ô.

B. Địa ô, đai cao.

C. Đai cao, tuần hoàn.

D. Thống nhất, địa đới.

**Câu 23.** Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành ở nơi tiếp xúc của hai khối khí

A. đều là nóng ẩm, có hướng gió ngược nhau.

B. có tính chất vật lí và hướng khác biệt nhau.

C. cùng hướng gió và cùng tính chất lạnh khô.

D. có tính chất lạnh ẩm và hướng ngược nhau.

**Câu 24.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với dao động của thuỷ triều?

A. Là dao động của các khối nước biển và đại dương.

B. Bất kì biển và đại dương nào trên Trái Đất đều có.

C. Dao động thuỷ triều lớn nhất vào ngày không trăng.

D. Dao động thuỷ triều nhỏ nhất vào ngày trăng tròn.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1 (2,5 điểm).**Trình bày về thời gian hoạt động, nguồn gốc hình thành, hướng và tính chất của gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió mùa.

**Câu 2 (1,5 điểm).**Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới.

**BẢNG ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

**I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.C | 3.A | 4.A | 5.A | 6.C | 7.A | 8.A |
| 9.C | 10.B | 11.A | 12.D | 13.C | 14.B | 15.D | 16.D |
| 17.B | 18.A | 19.C | 20.C | 21.C | 22.B | 23.A | 24.D |

**II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | Đặc điểm của một số loại gió trên thế giới   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Loại gió** | **Gió Mậu dịch** | **Gió Tây ôn đới** | **Gió mùa** | | Thời gian hoạt động | Quanh năm. | Quanh năm. | Theo mùa. | | Nguồn gốc hình thành | Sự chênh lệch giữa áp cao cận nhiệt và áp thấp xích đạo. | Sự chênh lệch giữa áp cao cận nhiệt và áp thấp ôn đới. | Do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa. | | Phạm vi hoạt động | Từ xích đạo đến vĩ độ 300 ở cả hai bán cầu (bán cầu Bắc và bán cầu Nam). | Từ vĩ độ 300 đến vĩ độ 600 ở cả hai bán cầu (bán cầu Bắc và bán cầu Nam). | Một số khu vực thuộc đới nóng và một số nơi thuộc vĩ độ trung bình.  Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực có hoạt động của gió mùa điển hình. | | Hướng gió | Đông Bắc (bán cầu bắc) và Đông Nam (bán cầu nam). | Tây là chủ yếu (bán cầu bắc: Tây Nam, bán cầu Nam: Tây Bắc). | Có sự khác nhau từng khu vực và mùa. | | Tính chất | Khô, ít mưa. | Ẩm cao, đem mưa nhiều. | Mùa đông có tính chất khô, mùa hạ có tính chất ẩm. | | **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5**  **0,5** |
| **2** | ***\* Khái niệm:***Quy luật phi địa đới là quy luật về sự phân bố của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo kinh độ và theo độ cao.  ***\* Biểu hiện của quy luật***  *- Theo kinh độ (quy luật địa ô)*  + Quy luật địa ô là sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo kinh độ.  + Sự phân bố lục địa và đại dương làm cho khí hậu và kéo theo một số thành phần tự nhiên (nhất là thảm thực vật) thay đổi từ đông sang tây. Gần biển có tính chất đại dương rõ rệt, càng vào sâu trung tâm lục địa thì tính chất lục địa càng tăng.  *- Theo đai cao (quy luật đai cao)*  + Quy luật đai cao là sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo độ cao địa hình.  + Sự thay đổi nhiệt ẩm theo độ cao ở miền núi kéo theo sự phân bố các vành đai thực vật và nhóm đất theo độ cao địa hình.  ***\* Ý nghĩa thực tiễn:***Hiểu biết về sự phân hoá của tự nhiên theo kinh độ và đai cao cho phép xác định được các định hướng chung và biện pháp cụ thể để ứng xử với tự nhiên một cách hợp lí trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống hằng ngày. | **0,25**  **0,75**  **0,5** |

**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**

**Đề thi Học kì 1 - Chân trời sáng tạo**

**Năm học 2024 - 2025**

**Môn: Địa Lí 10**

*Thời gian làm bài: phút*

*(không kể thời gian phát đề)*

**(Đề số 2)**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Dải hội tụ nhiệt đới được tạo thành ở khu vực

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. ôn đới.

D. cực.

**Câu 2.** Không khí ở tầng đối lưu bị đốt nóng chủ yếu do nhiệt của

A. bức xạ mặt trời.

B. bức xạ mặt đất.

C. lớp vỏ Trái Đất.

D. lớp man ti trên.

**Câu 3.** Tính chất của gió Mậu dịch là

A. nóng ẩm.

B. khô.

C. lạnh khô.

D. ẩm.

**Câu 4.** Tính chất của gió Tây ôn đới là

A. nóng ẩm.

B. lạnh khô.

C. khô.

D. ẩm.

**Câu 5.** Khu vực nào sau đây thường có mưa nhiều?

A. Nơi ở rất sâu giữa lục địa.

B. Miền có gió Mậu dịch thổi.

C. Miền có gió thổi theo mùa.

D. Nơi dòng biển lạnh đi qua.

**Câu 6.** Hồ nào sau đây ở nước ta có nguồn gốc hình thành từ một khúc sông cũ?

A. Hồ Thác Bà.

B. Hồ Ba Bể.

C. Hồ Trị An.

D. Hồ Tây.

**Câu 7.** Ở vùng ôn đới, bờ Đông của đại dương có khí hậu

A. lạnh, ít mưa.

B. ấm, mưa nhiều.

C. lạnh, khô hạn.

D. nóng, ẩm ướt.

**Câu 8.** Lớp vật chất tơi xốp ở bề mặt lục địa có khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trường và phát triển đựợc gọi là

A. sinh quyển.

B. thổ nhưỡng.

C. khí quyển.

D. thủy quyển.

**Câu 9.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới lạnh?

A. Đài nguyên.

B. Rừng lá kim.

C. Thảo nguyên.

D. Rừng lá rộng.

**Câu 10.** Giới hạn phía trên của sinh quyển là

A. nơi tiếp giáp với tầng ôdôn.

B. giữa của tầng cao khí quyển.

C. đỉnh núi cao nhất thế giới.

D. nơi tiếp giáp tầng bình lưu.

**Câu 11.** Trong tự nhiên, các thành phần xâm nhập vào nhau, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau là biểu hiện của quy luật

A. địa đới.

B. địa ô.

C. thống nhất.

D. đai cao.

**Câu 12.** Nguyên nhân tạo nên sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là do

A. lớp vỏ địa lí trên lục địa và đại dương không đồng nhất, luôn bị tách rời và luôn chuyển động.

B. các thành phần lớp vỏ địa lí không ngừng biến đổi và bị phân hóa thành nhiều dạng khác nhau.

C. các thành phần lớp vỏ địa lí luôn xâm nhập vào nhau, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau.

D. lớp vỏ địa lí được hình thành với sự góp mặt của tất cả các thành phần địa lí trong địa quyển.

**Câu 13.** Sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí từ Xích đạo đến cực là biểu hiện của quy luật

A. địa đới.

B. địa ô.

C. thống nhất.

D. đai cao.

**Câu 14.** Các vành đai nào sau đây là áp thấp?

A. Xích đạo, chí tuyến.

B. Chí tuyến, ôn đới.

C. Ôn đới, xích đạo.

D. Cực, chí tuyến.

**Câu 15.** Vùng cực có mưa ít là do tác động của

A. áp thấp.

B. áp cao.

C. frông.

D. địa hình.

**Câu 16.** Ý nghĩa của hồ đầm nối với sông là

A. điều hoà chế độ nước sông.

B. làm giảm tốc độ dòng chảy.

C. giảm lưu lượng nước sông.

D. điều hoà dòng chảy sông.

**Câu 17.** Dòng biển nào sau đây là dòng biển lạnh?

A. Dòng biển Bra-xin.

B. Dòng biển Gơn-xtrim.

C. Dòng biển Grơn-len.

D. Dòng biển Đông Úc.

**Câu 18.** Các yếu tố khí hậu nào sau đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất?

A. Nhiệt và ẩm.

B. Ẩm và khí.

C. Khí và nhiệt.

D. Nhiệt và nước.

**Câu 19.** Loại gió nào sau đây **không** phải là gió thường xuyên?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió Đông cực.

D. Gió mùa.

**Câu 20.** Yếu tố nào sau đây **không** có tác động tới sự phát triển và phân bố sinh vật?

A. Khí hậu.

B. Con người.

C. Đá mẹ.

D. Địa hình.

**Câu 21.** Nhận định nào sau đây **không**đúng về vỏ địa lí?

A. Các thành phần của lớp vỏ địa lí đều chịu tác động của ngoại lực và nội lực.

B. Lãnh thỗ nào cũng có nhiều thành phần địa lí ảnh hưởng qua lại, phụ thuộc nhau.

C. Lớp vỏ địa lí chỉ thay đổi khi tất cả các thành phần của vỏ địa lí có sự biển đổi.

D. Một thành phần vỏ địa lí biến đổi kéo theo sự biến đổi tất cả các thành phần khác.

**Câu 22.** Sự phân bố đất liền, biển và đại dương kết hợp dãy núi chạy hướng kinh tuyến là nguyên nhân khiến cho thảm thực vật ở lục địa Bắc Mĩ có sự thay đổi theo quy luật nào sau đây?

A. Đai cao.

B. Địa đới.

C. Địa ô.

D. Thống nhất.

**Câu 23.** Nhận định nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ địa lí?

A. Nhiệt độ trung bình năm tăng từ xích đạo về cực.

B. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất là ở chí tuyến.

C. Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về hai cực.

D. Biên độ nhiệt độ năm thấp nhất ở khu vực xích đạo.

**Câu 24.** Các nhân tố nào sau đây của địa hình có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

A. Độ cao và hướng nghiêng.

B. Hướng nghiêng và độ dốc.

C. Độ dốc và hướng sườn.

D. Hướng sườn và độ cao.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1 (2,0 điểm).**Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

- Nêu các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất.

- Trình bày sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất.

**Câu 2 (2,0 điểm).**Trình bày biểu hiện của quy luật địa đới thông qua sự phân bố của các thành phần và cảnh quan địa lí. Cho ví dụ minh hoạ.

**BẢNG ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

**I. TRẮC NGHIỆM (mỗi câu 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.B | 4.D | 5.C | 6.D | 7.B | 8.B |
| 9.A | 10.A | 11.C | 12.C | 13.A | 14.C | 15.B | 16.A |
| 17.C | 18.A | 19.D | 20.C | 21.C | 22.C | 23.A | 24.D |

**II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** | - Các đai khí áp cao và đai khí áp thấp trên Trái Đất: áp thấp xích đạo, hai áp cao cận chí tuyến, hai áp thấp ôn đới, hai áp cao cực.  - Sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất  + Nguyên nhân nhiệt lực: Xích đạo có nhiệt độ cao quanh năm, quá trình bốc hơi mạnh, sức nén không khí giảm nên hình thành đai áp thấp. Vùng cực Bắc và vùng cực Nam luôn có nhiệt độ rất thấp, sức nén không khí tăng nên tồn tại các đai áp cao.  + Nguyên nhân động lực: đai áp cao cận chí tuyến hình thành do không khí thăng lên Xích đạo và di chuyển về chí tuyến, giáng xuống làm khí áp tăng. Đai áp thấp ôn đới hình thành do không khí từ áp cao chí tuyến và vùng cực di chuyển về vùng ôn đới, không khí thăng lên làm khí áp giảm. | **0,5**  **0,75**  **0,75** |
| **2** | Biểu hiện của quy luật địa đới là sự phân bố một cách có quy luật, theo chiều từ Xích đạo về hai cực của nhiều thành phần và cảnh quan địa lí.  *- Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất:* từ Xích đạo về hai cực gồm vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hoà, hai vòng đai lạnh và hai vòng đai băng giá vĩnh cửu.  *- Các đai khí áp và các đới gió chính*  + Từ Xích đạo về hai cực gồm đai áp thấp xích đạo, hai đai áp cao cận nhiệt đới, hai đai áp thấp ôn đới và hai đai áp cao địa cực.  + Mỗi bán cầu, từ Xích đạo về cực đều có đới gió Mậu dịch, đới gió Tây ôn đới và đới gió Đông cực.  *- Các đới khí hậu:* từ Xích đạo về hai cực lần lượt có các đới khí hậu xích đạo (chung cho cả hai bán cầu), cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới, cận cực và cực.  *- Các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính:* từ Xích đạo về hai cực có các kiểu thảm thực vật và tương ứng với sự phân bố các kiểu thảm thực vật là các nhóm đất. | **0,5**  **0,25**  **0,5**  **0,5**  **0,25** |